

Bản án số: 77/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21-9-2023

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Nữ Hảo Tâm

Ông Trương Nguyễn Thiện Nhân

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Phúc – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh TRAN, QUY NGOC (Trần Ngọc Q), sinh năm 1996; địa chỉ: E S H, D, C, USA, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Nguyễn Thị N và A Trần Ngọc Q yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 15 tháng 02 năm 2017. Do anh Trần Ngọc Q định cư ở Hoa Kỳ nên sau khi kết hôn một thời gian thì anh Trần Ngọc Q trở về Hoa Kỳ, chị Nguyễn Thị N vẫn sống tại Việt Nam, cả hai duy trì tình cảm được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng xa cách về địa lý, không có điều vun đắp, xây dựng cuộc sống gia đình. Anh Trần Ngọc Q đã có dự định làm thủ tục bảo lãnh chị Nguyễn Thị N để vợ chồng đoàn tụ nhưng do một số trở ngại nên không thực hiện thủ tục bảo lãnh được. Đến nay, anh Trần Ngọc Q không có ý định quay về Việt Nam để đoàn tụ vợ chồng. Chị N nhận thấy khả năng vợ chồng đoàn tụ là rất khó, tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Ngọc Q.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị N trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị N trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của anh Trần Ngọc Q:

Quá trình giải quyết vụ án, sau khi yêu cầu, Tòa án nhận được thư trả lời của anh Trần Ngọc Q với nội dung: Anh đã nhận được các văn bản do Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế gửi và thông báo các nội dung liên quan vụ án. Anh Trần Ngọc Q đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Ngọc Q xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, do khoảng cách địa lý và công việc không thể về Việt Nam tham gia tố tụng tại Tòa án nên anh Trần Ngọc Q đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Trần Ngọc Q.

Về án phí: Cần buộc chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Ngọc Q định cư tại Hoa Kỳ, có đơn xin xét xử vắng mặt, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã thể hiện được ý chí của anh Trần Ngọc Q về việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử vắng mặt anh Trần Ngọc Q như ý kiến đề nghị của nguyên đơn và quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát; căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh Trần Ngọc Q.

Chị Nguyễn Thị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét đề nghị của chị N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị N theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Ngọc Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Điều kiện và thủ tục đăng ký kết hôn đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N thấy rằng: Sau kết hôn, chị Nguyễn Thị N và anh Trần Ngọc Q sống xa nhau nhiều năm, không có điều kiện quan tâm, chăm sóc nhau, việc đoàn tụ vợ chồng không có kết quả nên tình cảm vợ

chồng ngày càng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều muốn ly hôn để sớm có điều kiện ổn định cuộc sống riêng. Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Trần Ngọc Q.

[2.2] Về con chung: Các đương sự thừa nhận không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu và Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 454, Điều 470, Điều 474, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83; khoản 2 Điều 123; Điều 127; Điều 129 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh T, QUY NGOC (Trần Ngọc Q).

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Ngọc Q xác nhận không có và không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2021/0000295 ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Anh Trần Ngọc Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Cục THADS tỉnh TT Huế;
- UBND huyện Phú Vang, tỉnh TT Huế;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa DS; HCTP; HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Vũ Tiến